

ƯỚC LƯỢNG GIÁ TRỊ KINH TẾ DU LỊCH CỦA THÀNH PHỐ CẦN THƠ THEO PHƯƠNG PHÁP CHI PHÍ DU LỊCH CÁ NHÂN

Huỳnh Trường Huy*

Ngày nhận: 20/8/2015

Ngày nhận bản sửa: 01/10/2015

Ngày duyệt đăng: 25/6/2016

Tóm tắt:

Nghiên cứu này ước lượng giá trị kinh tế du lịch thông qua khảo sát từ 400 du khách tại các điểm đến du lịch của thành phố Cần Thơ từ tháng 3 đến tháng 6 năm 2014. Phương pháp chi phí du lịch cá nhân được áp dụng trên cơ sở tính toán giá trị thặng dư tiêu dùng từ nhu cầu du lịch của du khách và tổng số lượt du khách đến Cần Thơ trong một năm. Kết quả ước lượng khẳng định về mặt lý thuyết lẫn thực tiễn rằng chi phí du lịch luôn là yếu tố cản trở nhu cầu du lịch cá nhân, trong khi đó thu nhập và tình trạng hôn nhân (đã kết hôn) thể hiện ảnh hưởng tích cực đến nhu cầu du lịch. Hơn nữa, kết quả tính toán sau ước lượng cho thấy giá trị kinh tế du lịch lớn gấp 3 lần so với doanh thu từ lĩnh vực này. Sự chênh lệch này được xem như cơ sở để hình thành những chính sách phát triển du lịch của Cần Thơ.

Từ khoá: Chi phí du lịch cá nhân, giá trị kinh tế du lịch, nhu cầu du lịch.

Estimating the tourism economic value of the Can Tho's tourist sites: An application of the Individual Travel Cost method

Abstract:

This study aims at estimating the economic value of tourist sites in Can Tho city through the survey of 400 travellers visiting at these sites. The Individual Travel Cost method is used to estimate the consumer surplus of the traveller's travel demand and then calculate the economic value of these sites for a year. The research results show that the individual's travel demand is negatively associated with the travel cost. Otherwise, some factors such as income level and marital status (i.e. being married) are likely to have positive effects on the travel demand of these individuals. In addition, the calculation of the economic values of the tourist sites in Can Tho city is estimated at three times more than the amount of tourism revenues recorded by the statistical agent. The findings provide policy implications on tourism development in Can Tho.

Keywords: Individual travel cost; tourism economic value; travel demand.

1. Giới thiệu

Du lịch được xem là một trong những lĩnh vực đạt sự phát triển ổn định và thu hút sự quan tâm của các nhà quản lý địa phương. Thành phố Cần Thơ vừa là cửa ngõ, vừa là điểm dừng chân của du khách khi đến vùng đồng bằng sông Cửu Long. Theo số liệu thống kê của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thành phố Cần Thơ, trong năm 2013 số lượt du

khách đến Thành phố Cần Thơ đạt hơn 1,2 triệu so với 700 ngàn lượt năm 2009 (tăng bình quân 14,5%/năm); doanh thu đạt gần 1.000 tỷ đồng (tăng gấp 2 lần so với 2009, tăng bình quân 17,7%/năm). Với sự phát triển tích cực trên, lĩnh vực du lịch gần đây được xác định là động lực phát triển kinh tế-xã hội của Thành phố và những phân tích đánh giá khoa học về du lịch là cần thiết nhằm định hướng thiết kế chính sách khai thác tiềm năng và thu hút

đầu tư trong lĩnh vực này hiệu quả hơn.

Như đã biết, du lịch là sản phẩm gắn liền với giá trị cảm nhận của du khách. Vì vậy, việc đo lường chính xác hoặc đầy đủ giá trị kinh tế của lĩnh vực này không đơn giản (Chen & cộng sự, 2004). Mặc dù tồn tại những vấn đề liên quan đến số liệu và kỹ thuật phân tích, cho đến nay phương pháp tiếp cận theo chi phí du lịch (Travel Cost-TC) là kỹ thuật được các nhà nghiên cứu sử dụng phổ biến để đo lường giá trị kinh tế của một điểm đến du lịch cụ thể (trong số đó như Brown, Jr & Mendelsohn, 1984; Willis & Garrod, 1991; Nam & Son, 2001; Wieland & Horowitz, 2007; Emiriya & cộng sự, 2013).

Trên cơ sở thực tiễn về sự phát triển du lịch của thành phố Cần Thơ và phương pháp ước lượng giá trị kinh tế đối với điểm đến du lịch, mục đích trọng tâm của nghiên cứu này là ước lượng giá trị kinh tế du lịch của Thành phố Cần Thơ dựa theo phương pháp chi phí du lịch (TC). Kết quả phân tích là cơ sở để gợi ý đề xuất chính sách phát triển du lịch theo hướng tăng giá trị kinh tế gắn liền với nhu cầu du lịch của du khách.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Lý thuyết về ước lượng giá trị kinh tế du lịch

Lý thuyết về ước lượng giá trị kinh tế du lịch được giới thiệu bởi Clawson (1959), dựa trên ý tưởng của Hotelling (1949) liên quan đến việc đo lường giá trị kinh tế đối với một khu giải trí gắn với yếu tố thiên nhiên như công viên quốc gia, vườn du lịch sinh thái,... Cụ thể hơn, phương pháp này được hình thành với giả định rằng giá trị kinh tế du lịch của một khu giải trí, du lịch nào đó được xác định dựa trên nhu cầu của du khách tham quan điểm đến đó.

Cơ bản, phương pháp ước lượng giá trị kinh tế du lịch được tiếp cận theo hai cách thay thế: chi phí du lịch cá nhân (Individual travel cost method-ITCM) và chi phí du lịch vùng (Zonal travel cost method-ZTCM). Trong đó, phương pháp chi phí du lịch cá nhân (ITCM) được thực hiện thông qua ước lượng mối quan hệ giữa số lần tham quan điểm đến của cá nhân du khách (v_i) và chi phí du lịch (C_i) cũng như các yếu tố cá nhân khác (X_i). Mô hình ước lượng có dạng tổng quát như sau (Cook, 2000):

$$v_i = f(C_i, X_i) \quad (1)$$

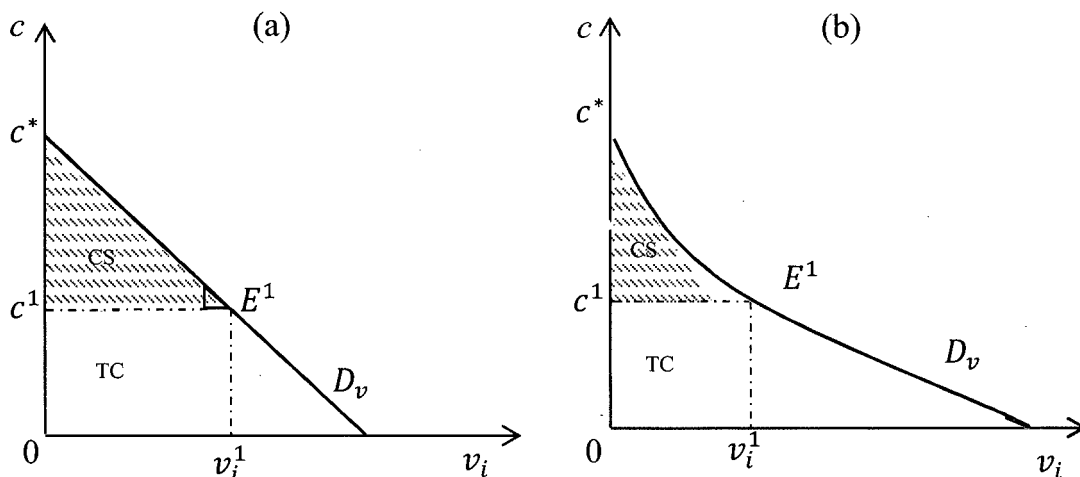
Phương pháp chi phí du lịch vùng thể hiện mối quan hệ giữa tỷ lệ (r_{io}) về số lần tham quan của du khách (v_i) tính trên dân số (p_o) của vùng xuất phát đến điểm du lịch và chi phí du lịch (C_i) cũng như các đặc điểm kinh tế-xã hội của vùng xuất phát (X_o). Mô hình được thể hiện như sau (Chen & cộng sự, 2004):

$$r_{io} = \frac{v_i}{p_o} = f(C_i, X_o) \quad (2)$$

So với phương pháp chi phí du lịch cá nhân, phương pháp ước lượng theo vùng đòi hỏi số liệu về lượng du khách của nơi xuất phát (từng vùng) tham quan điểm du lịch cần ước lượng. Trong thực tế, số liệu như thế hầu như khan hiếm và khó thu thập. Chính vì thế, phương pháp chi phí du lịch cá nhân – số liệu phân tích chỉ dựa vào thông tin của du khách khi tham quan điểm du lịch – thường được sử dụng phổ biến hơn do tính thuận tiện về thu thập thông tin; nhưng vẫn đảm bảo ý nghĩa khoa học của phương pháp, đó là đo lường giá trị kinh tế du lịch dựa vào cầu du lịch cá nhân của du khách.

Phương pháp ước lượng chi phí du lịch cá nhân

Hình 1: Giá trị thặng dư tiêu dùng đối với du khách



được thực hiện thông qua giá trị thặng dư tiêu dùng, dựa trên phân tích hành vi của cá nhân du khách và chi phí du lịch tham quan điểm đến. Phương pháp này chủ yếu sử dụng dữ liệu khảo sát trực tiếp từ du khách tham quan tại điểm đến, bao gồm những thông tin sau:

- Số lần tham quan điểm đến của du khách (v_i), trong một năm.
- Chi phí du lịch của chuyến du lịch (c_i)
- Một số thông tin cá nhân khác như nhân khẩu học, đặc điểm kinh tế, gia đình,...

Thông tin từ Hình 1 thể hiện hành vi tiêu dùng của cá nhân trong trường hợp quyết định số lần tham quan điểm đến du lịch trên cơ sở xem xét sự thay đổi của yếu tố chi phí và các yếu tố cá nhân khác phản ánh cho nhu cầu. Trong đó, giá trị thặng dư tiêu dùng (CS) được xác định dựa vào đường cầu và mức chi phí cho hoạt động tham quan du lịch – được biểu hiện bằng diện tích hình tam giác, kí hiệu CS. Chi phí tham quan du lịch được thể hiện bằng diện tích hình chữ nhật, kí hiệu TC.

Tuy nhiên, phương pháp chi phí du lịch cá nhân vẫn thể hiện một vài hạn chế; điển hình như chi phí thời gian của chuyến du lịch hầu như không được du khách quan tâm đề cập. Hơn nữa, chi phí du lịch của mỗi chuyến đi sẽ không bằng nhau, nhưng chúng được sử dụng như yếu tố quan trọng quyết định đến số lần đi du lịch trong một thời gian nhất định (thường trong 1 năm); cho nên việc ước lượng có thể sẽ bao hàm sự sai số. Vì vậy, khi khảo sát thông tin về chi phí du lịch, đáp viên cần được lưu ý và xác định chi phí đối với một chuyến du lịch thể hiện tính đại diện, bình quân về số ngày, số người và khoảng cách du lịch.

Mặc dù với những hạn chế tồn tại, cho đến nay phương pháp chi phí du lịch cá nhân - được đề xuất bởi Brown & Nawas (1973) và Gum & Martin (1974) - được nhiều nhà nghiên cứu áp dụng phổ biến, do tính thuận tiện trong khảo sát nhu cầu, kỹ thuật phân tích tính toán không quá phức tạp, để xác định giá trị kinh tế du lịch tại một số quốc gia cũng như tại Việt Nam,... Điển hình như Brown, Jr & Mendelsohn (1984); Font (2000); Nam & Son (2001); Seenprachawong (2004); Wieland & Horowitz (2007); và gần đây là Nguyễn Thị Hải (2011).

Nhìn chung, các nghiên cứu trên có điểm chung là sử dụng phương pháp ước lượng chi phí du lịch

cá nhân để đo lường giá trị kinh tế của điểm đến du lịch và các kết quả phân tích thể hiện sự phù hợp về ý nghĩa thống kê và thực tiễn giữa các yếu tố và nhu cầu du lịch của cá nhân. Vì vậy, nghiên cứu này sẽ kế thừa và vận dụng phương pháp ước lượng chi phí du lịch cá nhân để đo lường giá trị kinh tế du lịch của thành phố Cần Thơ, đây là chủ đề còn thiếu vắng đối với địa phương hiện nay.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Mô hình phân tích

Theo phương pháp ước lượng chi phí du lịch theo cá nhân (ITCM), giá trị thặng dư tiêu dùng cá nhân (CS_i) được xác định dựa vào phân tích nhu cầu (v_i) trong mối quan hệ với chi phí du lịch, c_i , (tính trên mỗi lần du lịch của cá nhân) và các yếu tố cá nhân khác thể hiện sở thích và đặc điểm kinh tế-xã hội (x_i). Nhu cầu du lịch cá nhân được thể hiện qua phương trình sau:

$$v_i = f(c_i, x_i) \quad (3)$$

Phương trình (3) được viết lại dưới dạng mô hình kinh tế lượng với những yếu tố như sau:

$$v_i = \alpha C_i + \beta_k \sum_{k=1}^K X_{ik} + \varepsilon_i \quad (4)$$

Trong đó, v_i là số lần tham quan điểm đến du lịch trong một năm của cá nhân i ; C_i là chi phí đi du lịch tính trên một lần; α , β là hệ số ước lượng chưa biết tương ứng với yếu tố chi phí và các đặc điểm cá nhân, $k = 1 \dots K$; và ε là sai số ước lượng. Theo lý thuyết kinh tế hành vi tiêu dùng, dấu ước lượng của yếu tố chi phí kỳ vọng là âm ($\alpha < 0$), nghĩa là số lần tham quan du lịch sẽ tỷ lệ nghịch với sự tăng lên của chi phí du lịch.

Dựa vào phương trình (4), tổng giá trị thặng dư tiêu dùng du lịch của cá nhân tính trong một năm (theo Hình 1a) sẽ được xác định như sau (Wieland & Horowitz, 2007):

$$CS_i = -v_i / \alpha \quad (5)$$

Tuy nhiên, trong trường hợp đường cầu du lịch có dạng phi tuyến tính – dạng lồi (xem Hình 1b), Willis & Garrod (2000) giới thiệu cách tính toán giá trị thặng dư tiêu dùng du lịch của cá nhân như sau:

$$CS_{i'} = -v_i^2 / 2\alpha \quad (6)$$

Dạng phi tuyến tính (lồi) của đường cầu du lịch sẽ được xác định dựa trên kiểm định dấu đối với hệ số ước lượng (α_1 và α_2) tương ứng với yếu tố chi phí

dưới dạng: c_i , sau khi ước lượng đường cầu theo phương trình (4) với kỳ vọng: $\alpha_1 < 0$ và $\alpha_2 > 0$.

Từ phương trình (5) hoặc (6), chúng ta tính được giá trị thặng dư tiêu dùng của cá nhân trên một lần tham quan điểm đến du lịch (CS_{ip}), bằng cách lấy vế phải của công thức (5) chia cho số lần tham quan của cá nhân trong một năm. Cụ thể:

$$CS_{ip} = -1/\alpha \quad (7)$$

Như vậy, theo phương pháp ước lượng chi phí du lịch theo cá nhân, tổng giá trị kinh tế khu du lịch của điểm đến sẽ được xác định dựa vào hai chỉ tiêu cơ bản: (i) giá trị thặng dư tiêu dùng của du khách, CS_{ip} , và tổng số du khách tham quan khu du lịch đó trong một năm, V . Cụ thể:

$$CS = -1/\alpha * V \quad (8)$$

Phương trình nhu cầu du lịch cá nhân được trình bày ở phương trình (3) được ước lượng theo dưới nhiều kỹ thuật khác nhau, phụ thuộc vào đặc điểm về số liệu của các yếu tố, điển hình như hồi qui tuyến tính với kỹ thuật bình phương bé nhất (OLS), lấy logarit hai vế của phương trình, hoặc kỹ thuật Poisson với giá trị chặn lớn hơn 0.

- Trước hết, phương trình nhu cầu du lịch cá nhân (3) được ước lượng với kỹ thuật OLS, bởi vì giá trị của biến phụ thuộc (v_i) thể hiện giá trị dương và ngẫu nhiên và biến độc lập quan trọng - chi phí du lịch - cũng có giá trị ngẫu nhiên và không âm. Tuy nhiên, kỹ thuật ước lượng này đòi hỏi phải thỏa mãn các giả định, đặc biệt là các biến định lượng có dạng phân phối chuẩn.

- Do giá trị của biến phụ thuộc khá nhỏ và lớn hơn 0 (do khảo sát du khách tại các điểm du lịch), một kỹ thuật ước lượng phù hợp hơn đối với đặc điểm của số liệu như thế, đó là ước lượng Poisson với giá trị chặn lớn hơn 0 (Truncated Poisson). Mô hình ước lượng Poisson có dạng như sau:

$$Prob(y_i = v_i) = \frac{\lambda_i^{(v_i-1)} e^{-\lambda_i}}{v_i!} \quad (9)$$

Trong đó, $Prob(y_i = v_i)$ là xác suất đối với số lần đi du lịch của cá nhân, λ_i là tham số ước lượng trong mối quan hệ với yếu tố độc lập. Cụ thể, hàm nhu cầu du lịch cá nhân có dạng phân phối Poisson được trình bày dưới dạng mô hình ước lượng như sau (Gujarati, 2004):

$$v_i = \exp(\alpha C_i + \beta_k \sum_{k=1}^K X_k) \quad (10)$$

2.2.2. Thu thập số liệu và mô tả biến

Theo số liệu thống kê từ Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch TP Cần Thơ, số lượt du khách đến Cần Thơ năm 2013 là 1,2 triệu người, đây được xem là tổng thể nghiên cứu được sử dụng để xác định cỡ mẫu cần khảo sát. Vận dụng công thức xác định cỡ mẫu của Slovin (1960) dựa vào tổng thể (N) và sai số kỳ vọng (e), cỡ mẫu (n) cần khảo sát được tính toán như sau:

$$n = \frac{N}{1 + N.e^2} \quad (11)$$

Dựa vào số liệu thống kê về lượt du khách (năm 2013) và công thức (11) trên, cỡ mẫu cần khảo sát cho nghiên cứu này là 400 (làm tròn), với sai số kỳ vọng ở mức 5%. Cuộc khảo sát được thực hiện tại các điểm đến du lịch nổi bật tại Thành phố Cần Thơ (gồm Bến Ninh Kiều, Làng du lịch Mỹ Khánh, và chợ nổi Cái Răng), từ tháng 3 đến tháng 6 năm 2014. Đáp viên tham gia khảo sát tại các điểm du lịch được chọn theo phương pháp thuận tiện với sự đồng ý tham gia khảo sát. Trong đó, có đến 323 du khách đến từ các địa phương khác (chiếm 80,7%) và 77 khách tham quan đang sinh sống và làm việc tại Cần Thơ (chiếm 19,3%). Phần lớn số du khách địa phương này không có lưu trú qua đêm tại điểm đến.

Bảng 1 trình bày kết quả phân tích mô tả các đặc điểm cá nhân của du khách, du khách tham gia cuộc khảo sát có độ tuổi trung bình 30. Trong đó, du khách ở nhóm tuổi từ 26 - 35 tuổi gần một nửa (47,3%). Kế tiếp, du khách trong nhóm tuổi 18-25 chiếm tỉ lệ 32,7%, nhóm du khách này chủ yếu là học sinh, sinh viên. Về trình độ học vấn, gần 2/3 du khách tham gia khảo sát có trình độ học vấn từ cao đẳng, đại học.

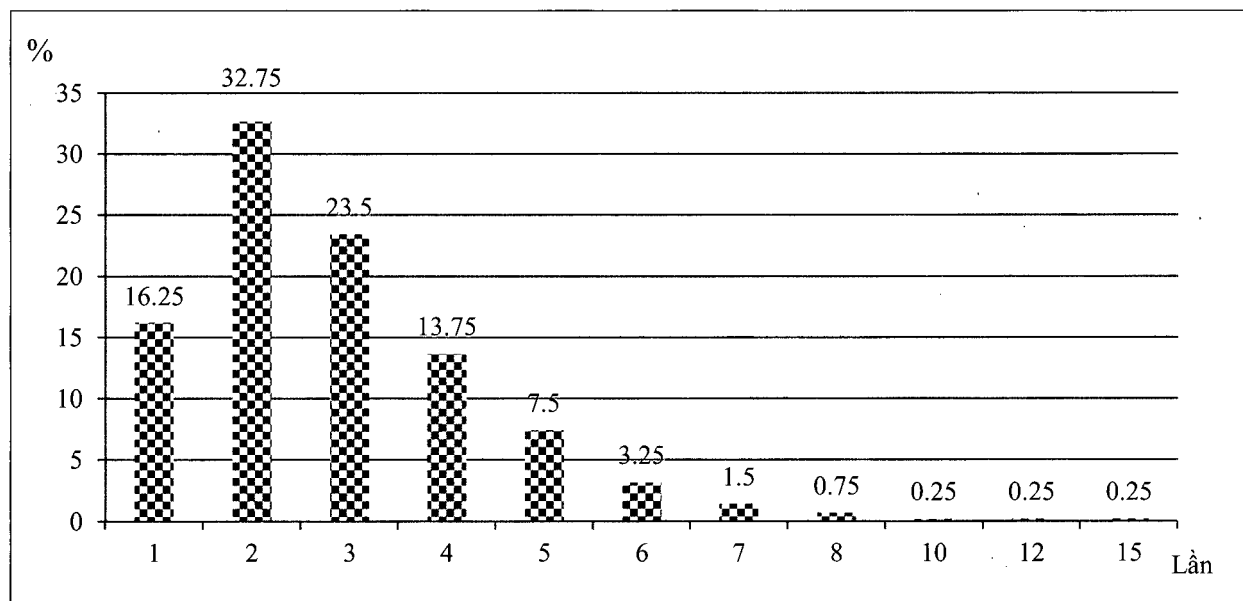
Thu nhập của du khách được xem là yếu tố quan trọng kỳ vọng có ảnh hưởng đến hành vi và chi phí du lịch, kết quả thống kê cho thấy thu nhập bình quân của du khách khoảng 4,3 triệu đồng/tháng (độ lệch chuẩn là 1,7 triệu đồng). Cụ thể, có đến gần 50% du khách có thu nhập từ 3 - dưới 5 triệu đồng/tháng và 30% du khách được hỏi có thu nhập từ 5 - 8 triệu đồng/tháng.

Mục đích của du khách đến thành phố Cần Thơ chủ yếu là tham quan du lịch (chiếm 67%), và chỉ có 23% đáp viên đến Cần Thơ với mục đích tham gia hội nghị, hội thảo, hoặc học tập. Vì vậy, có hơn 80% du khách đi du lịch đến Cần Thơ vào dịp lễ, tết hoặc cuối tuần. Hơn nữa, du khách đi du lịch thường đi theo đoàn (gồm gia đình, bạn bè, hoặc đồng

Bảng 1: Kết quả thống kê các yếu tố chính của du khách

Đặc điểm	Đơn vị tính	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Nhỏ nhất	Lớn nhất
Tuổi	Năm	30	7,5	18	53
Học vấn	Số năm đến trường	13,7	2,8	5	19
Chi phí du lịch	Ngàn đồng/lần	696	852	60	9.190
Thu nhập	Triệu đồng/tháng	4,2	1,5	2	13

Nguồn: Kết quả khảo sát 400 du khách tại TP. Cần Thơ, 2014.

Hình 2: Phân phối số lần tham quan các điểm đến tại TP Cần Thơ

ngiệp), chiếm đến 75% trong số du khách được khảo sát. Họ biết đến các điểm đến tại Cần Thơ thông qua các kênh thông tin như bạn bè, đồng nghiệp (65%), phương tiện truyền thông đại chúng (24%), công ty lữ hành (8%).

Kết quả phân tích cho thấy phân phối về số lần du khách tham quan các điểm đến tại Cần Thơ khá lệch sang phải (kết quả kiểm định với Prob > Chi2 = 0,000). Cụ thể, đa số du khách tham quan các điểm du lịch của Cần Thơ ít nhất 2 lần/năm (chiếm hơn 80%). Nhìn chung, có đến 60% du khách tham quan các điểm đến du lịch ít nhất 3 lần trở lên trong năm

qua. Với phân phối lệch phải của số lần tham quan điểm đến, biến v_i , cho thấy rằng mô hình ước lượng nhu cầu du lịch cá nhân của du khách sử dụng kỹ thuật ước lượng hồi qui bình phương bé nhất (OLS) sẽ không phù hợp. Vì vậy, kỹ thuật ước lượng hồi qui Poisson được xem như một giải pháp thay thế, phù hợp với đặc điểm của biến v_i cũng như điều kiện về phân phối chuẩn.

3. Kết quả và thảo luận

Kết quả ước lượng giá trị kinh tế du lịch đối với thành phố Cần Thơ được trình bày trên cơ sở ước

Bảng 2: Các khoản mục chi phí du lịch cá nhân

Khoản mục	ĐVT	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Nhỏ nhất	Lớn nhất
Đi lại	1.000/lần	148	409	10	6.000
Ăn uống	1.000/ngày	124	86	10	500
Lưu trú	1.000/ngày	129	68	30	500
Mua sắm	1.000/lần	104	132	0	1.200
Giải trí	1.000/lần	74	98	0	500

Nguồn: Kết quả khảo sát 400 du khách tại TP. Cần Thơ, 2014.

Bảng 3: Kết quả ước lượng nhu cầu du lịch cá nhân

Biến phụ thuộc (số lần tham quan, v_i)	Diễn giải	Hệ số ($b/R-se$)	Tỷ lệ ($IR = e^b$) ($e^b/R-se$)
Chi phí (C_i)	1.000/lần	-0,35*** (0,09)	0,70*** (0,06)
Thu nhập (Y_i)	Triệu đồng/tháng	0,24*** (0,02)	1,27*** (0,03)
Tuổi (A_i)	Năm	-0,01 (0,01)	1,00 (0,01)
Học vấn (E_i)	Số năm đến trường	-0,01 (0,01)	0,99 (0,01)
Hôn nhân (M_i)	1: kết hôn 0: độc thân	0,22* (0,13)	1,24* (0,16)
Giới tính (G_i)	1: nam 0: nữ	0,05 (0,09)	1,05 (0,09)
Số người trong đoàn (Q_i)	Người	0,06 (0,07)	1,06 (0,08)
Hằng số	-	0,15 (0,42)	-

Ghi chú: các số trong dấu ngoặc đơn là giá trị sai số chuẩn Robust.

***, **, *: thể hiện mức ý nghĩa thống kê tương ứng 1%, 5% và 10%.

lượng nhu cầu du lịch của du khách đến thành phố Cần Thơ với một số thông tin chủ yếu: số lần du lịch trong năm (v_i), chi phí du lịch mỗi lần (C_i), thu nhập hàng tháng (Y_i) và các yếu tố cá nhân như độ tuổi, học vấn, hôn nhân và số người cùng đi du lịch. Trong đó, chi phí du lịch (bình quân mỗi chuyến du lịch) là yếu tố thiết yếu trong việc ước lượng nhu cầu du lịch cá nhân.

Trong tổng chi phí du lịch, chi phí đi lại chiếm tỷ lệ cao nhất, kế đến là chi phí ăn uống và mua sắm. Đối với trường hợp du khách có lưu trú lại điểm đến, chi phí lưu trú cũng tương đương mức chi tiêu cho hoạt động ăn uống. Trong khi đó, chi tiêu của du khách cho hoạt động giải trí khá thấp, bởi vì phần lớn các điểm đến du lịch tại Cần Thơ chủ yếu phục vụ ẩm thực, văn cảnh (sinh thái), bán trái cây; chưa có các hoạt động giải trí phục vụ du khách.

Kết quả ước lượng nhu cầu du lịch cá nhân theo kỹ thuật ước lượng Poisson được trình bày ở Bảng 3 cho thấy nhu cầu du lịch cá nhân thể hiện mối tương quan với các yếu tố của mô hình ước lượng với mức ý nghĩa thống kê 0.01. Nhìn chung, nhu cầu du lịch cá nhân của du khách đối với các điểm đến tại Cần Thơ thể hiện mối tương quan với các yếu tố giải thích như chi phí, thu nhập, tuổi, ... ở mức 16%. Hay nói cách khác, nhu cầu du lịch đến Cần Thơ của du khách còn phụ thuộc vào những yếu tố khác mà nhóm nghiên cứu không đề cập đến trong phân tích, bởi vì cách tiếp cận của phương pháp ước lượng giá trị kinh tế du lịch theo nhu cầu du lịch cá nhân

không chỉ quan tâm đến yếu tố chi phí du lịch.

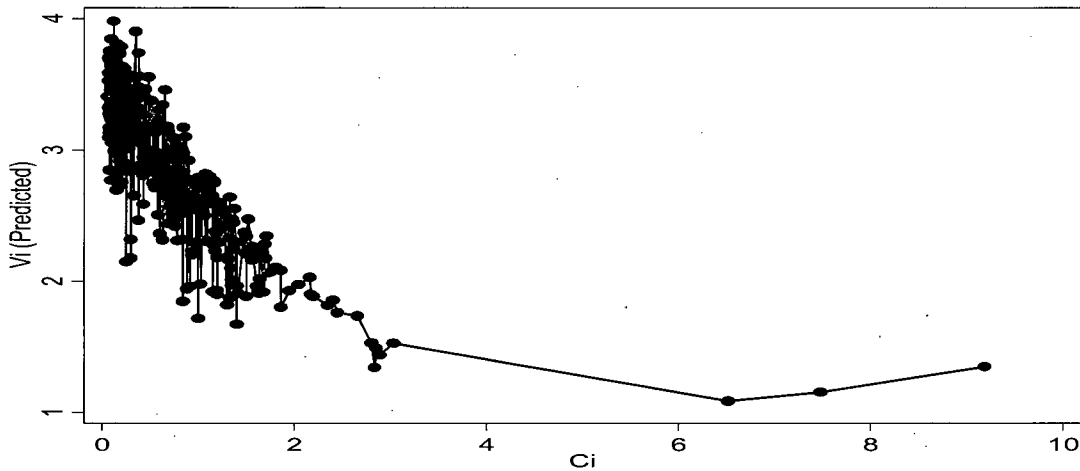
Trong số các yếu tố giải thích của mô hình ước lượng, chi phí du lịch thể hiện tác động nghịch dấu và có ý nghĩa thống kê đối với nhu cầu du lịch đến Cần Thơ, phù hợp cả về mặt lý thuyết và bằng chứng phân tích từ các nghiên cứu tương tự. Như trình bày ở cơ sở lý thuyết phân tích, yếu tố chi phí có mối tương quan với nhu cầu du lịch cá nhân theo dạng: tuyến tính hay phi tuyến tính. Kết quả ước lượng cho thấy có thể khẳng định rằng mối tương quan giữa nhu cầu du lịch cá nhân và chi phí du lịch đến các điểm đến tại Cần Thơ thể hiện dạng phi tuyến tính (đường cong lồi ở Hình 3), khi mà hệ số ước lượng chi phí: $\alpha_1 < 0$ và $\alpha_2 > 0$.

Mô hình nhu cầu du lịch cá nhân đến Cần Thơ được ước lượng lại với những yếu tố giải thích có ý nghĩa thống kê 5% như sau:

$$v_i = e^{(-0,56C_i + 0,04C_i^2 + 0,25Y_i + 0,16M_i)} \quad (12)$$

Bên cạnh đó, thu nhập bình quân hàng tháng của du khách là yếu tố giải thích tích cực có tác động ý nghĩa đến nhu cầu du lịch của họ, cụ thể là tham quan các điểm đến tại Cần Thơ. Hơn nữa, những du khách đã kết hôn thể hiện nhu cầu du lịch cao hơn so với những du khách độc thân. Như đã trình bày ở trên, trong số 4 du khách được hỏi có đến 3 đáp viên cho rằng thường đi du lịch với gia đình và đi vào dịp cuối tuần hoặc lễ tết. Ngoài ra, các yếu tố giải thích khác như độ tuổi, giới tính, trình độ học vấn và số

Hình 3: Đường cầu du lịch cá nhân đối với các điểm đến tại Cần Thơ



Bảng 4: Các tham số cần thiết đối với giá trị kinh tế du lịch Cần Thơ

Tham số	Ký hiệu	Giá trị	Nguồn thông tin
Số lần đến Cần Thơ/năm	v_i	2,90	Khảo sát 400 du khách
Hệ số ước lượng của chi phí	α	-0,56	Phương trình 12
Số lượt du khách đến Cần Thơ (2013)	V	1.251.625	Sở VHTT-DL Cần Thơ

người cùng đi du lịch không thể hiện ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê đến nhu cầu du lịch cá nhân.

Giá trị kinh tế du lịch đối với thành phố Cần Thơ được tính toán dựa vào kết quả ước lượng của mô hình nhu cầu du lịch cá nhân (phương trình 12) và thông tin về số lượng và số lần du khách đến Cần Thơ trong một năm (Bảng 4).

Theo thông tin từ Bảng 4 và phương trình 8, kết quả tính toán cho thấy giá trị kinh tế du lịch của Cần Thơ đạt khoảng 3.186 tỷ đồng, gấp hơn 3 lần so với giá trị doanh thu của lĩnh vực dịch vụ du lịch là 980 tỷ đồng từ Niên giám thống kê. Thật ra, kết quả ước lượng giá trị kinh tế du lịch đối với điểm đến thường cao hơn so với giá trị doanh thu của điểm đến, xuất phát từ hai nguyên nhân sau: (i) số liệu thống kê lĩnh vực dịch vụ du lịch của địa phương chủ yếu dựa trên số liệu về hoạt động kinh doanh từ các cơ sở tham gia lĩnh vực này có đăng ký kinh doanh; trong khi đó, du khách có thể chi tiêu cho những sản phẩm, dịch vụ được cung cấp bởi lĩnh vực kinh tế phi chính thức (không có đăng ký kinh doanh); (ii) liên quan đến chi phí đi lại, du khách chủ yếu thuê xe và chi trả chi phí thuê xe cho các đơn vị vận tải hoặc kinh doanh du lịch lữ hành tại địa phương xuất phát; trong khi đó khoản mục chi phí này được xem như

yếu tố ước lượng nhu cầu du lịch cá nhân của du khách đối với điểm đến. Có thể thấy rằng sự chênh lệch giữa giá trị kinh tế du lịch và giá trị doanh thu du lịch của điểm đến du lịch là chủ đề cần quan tâm để hình thành những chính sách nhằm thu hẹp sự chênh lệch giá trị trên, cụ thể là tăng giá trị doanh thu du lịch của điểm đến.

4. Kết luận và gợi ý chính sách

4.1. Kết luận

Nghiên cứu đóng góp những bằng chứng phân tích về ước lượng giá trị kinh tế du lịch đối với thành phố Cần Thơ – được xem là cửa ngõ của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Vận dụng phương pháp ước lượng chi phí du lịch cá nhân để phân tích nhu cầu du lịch cá nhân đối với 400 du khách tham quan các điểm đến chính tại TP Cần Thơ. Kết quả phân tích đạt được một số điểm quan trọng sau đây: (i) Phần lớn du khách tham quan các điểm đến vào dịp cuối tuần hoặc lễ tết, do đa số họ đến từ các địa phương khác; (ii) Bình quân, mỗi năm du khách tham quan các điểm đến tại Cần Thơ khoảng 3 lần, tuy nhiên nhu cầu lưu trú của du khách tại các điểm đến còn khá ít; (iii) Chi phí liên quan đến chuyến du lịch chủ yếu chi tiêu cho hoạt động đi lại và ăn uống, trong khi đó mức chi tiêu cho hoạt động mua sắm và

giải trí tại các điểm đến du lịch còn khiêm tốn; và (iv) kết quả ước lượng nhu cầu du lịch cá nhân thể hiện phù hợp cả về mặt lý thuyết lẫn thực tiễn tương ứng với một số nghiên cứu trước đây, đáng chú ý, mối tương quan giữa nhu cầu du lịch cá nhân và chi phí du lịch thể hiện đường phi tuyến tính.

4.2. Gợi ý chính sách

Xuất phát từ kết quả phân tích và hiện trạng phát triển du lịch hiện nay, một số gợi ý chính sách được chỉ ra một mặt góp phần nâng cao giá trị kinh tế du lịch gắn liền với chi tiêu của du khách; mặt khác đề xuất định hướng phát triển du lịch của thành phố trong thời gian tới, bao gồm:

Thứ nhất, trong xu hướng phát triển hệ thống của các cơ sở lưu trú có qui mô lớn và công ty lữ hành uy tín tại thành phố Cần Thơ trong thời gian gần đây. Ủy Ban nhân dân Thành phố, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch và các đơn vị liên quan đến lĩnh vực du lịch tổ chức hoặc đăng cai những sự kiện văn hoá, thể thao và du lịch nhằm tạo cơ hội thu hút du khách du lịch thuần tuý cũng như khách đoàn. Đây là yếu tố quan trọng làm tăng lượt du khách đến Cần Thơ và góp phần tăng giá trị kinh tế nói chung và doanh thu của ngành.

Thứ hai, tổ chức khảo sát và kết nối các điểm đến du lịch hiện có để tạo ra những tuyến tham quan đặc thù cũng như đa dạng sản phẩm du lịch của Cần Thơ. Mục đích của giải pháp một mặt tạo ra sự đa

dạng sản phẩm (tour tuyến) cho du khách lựa chọn, mặt khác tạo cơ hội khai thác và phát triển các làng nghề truyền thống gắn với du lịch. Đồng thời, đẩy nhanh tiến độ xây dựng đề án phát triển chợ nổi Cái Răng – một điểm đến hấp dẫn nhất đối với du khách khi đến Cần Thơ – nhằm làm cơ sở kêu gọi đầu tư và phát triển các loại hình kinh doanh phục vụ tốt hơn cho du khách tham quan chợ nổi.

Thứ ba, nghiên cứu và phát triển các loại hình hoạt động giải trí tại các điểm đến du lịch trên cơ sở phân khúc du khách cũng như tài nguyên du lịch (thiên nhiên và văn hoá) của điểm đến. Mục đích nhằm góp phần tăng số ngày lưu trú của du khách tại thành phố Cần Thơ và tăng mức chi tiêu cho hoạt động giải trí của du khách khi tham quan điểm đến, thay vì hiện nay tại các điểm đến chủ yếu phục vụ hoạt động ẩm thực.

Thứ tư, công tác xúc tiến du lịch của thành phố cần được tiếp tục tăng cường với các địa phương đã hợp tác trong thời gian qua (như Đà Nẵng, Phú Quốc, Đà Lạt) và các địa phương khác trong cả nước nhằm liên kết xây dựng các tour tuyến du lịch cũng như mở các đường bay du lịch trên cơ sở khai thác sân bay quốc tế Cần Thơ với các địa phương. Điều này không những tạo điều kiện thu hút đầu tư, thương mại; mà còn thu hút du khách tham quan giữa thành phố Cần Thơ và các địa phương có thế mạnh về du lịch như Đà Nẵng, Đà Lạt, Phú Quốc. □

Tài liệu tham khảo

- Brown Jr, G & Mendelsohn, R (1984), 'The hedonic travel cost method', *The Review of Economics and Statistics*, 66(3), 427-433.
- Brown, W. G & Nawas, F (1973), 'Impact of aggregation on the estimation of outdoor recreation demand functions', *American Journal of Agricultural Economics*, 55(2), 246-249.
- Chen, W., Hong, H., Liu, Y., Zhang, L., Hou, X & Raymond, M (2004), 'Recreation demand and economic value: An application of travel cost method for Xiemen Island', *China Economic Review*, 15(4), 398-406.
- Clawson, M (1959), *Methods of measuring the demand for and value of outdoor recreation, Resource for the Future*, No.10, Washington D.C.
- Cook, A (2000), 'Estimation of community values of lakes: A study of lake Mokoan in Victoria, Australia: a comment', *Economic Analysis and Policy*, 30(1), 99-102.
- Emiriya, M., Robson, M & Gombarago, E. N. T (2013), 'An application of the individual travel cost method to Nyanga National Park, Zimbabwe', *Research Journal of Economics*, 1(1), 1-16.
- Font, A. R (2000). 'Mass tourism and the demand for protected natural areas: a travel cost approach', *Journal of Environmental Economics and Management*, 39(1), 97-116.
- Gujarati (2004), *Basic Econometrics* (4 ed.), McGraw Hill.
- Gum, R. L & Martin, W. E (1974), 'Problems on solutions in estimating the demand for and value of rural outdoor

- recreation demand functions', *American Journal of Agricultural Economics*, 57(4), 558-566.
- Hotelling, H (1949), *Letter to the National Park Services: An economic study of the monetary evaluation of recreation in the national parks*, Washington, DC: US Department of the Interior, National Park Service/Recreational Planning Division.
- Nam, P. K & Son, T. V. H (2001), *Analysis of the recreational value of the coral-surrounded Hon Mun islands in Vietnam*, Economy and Environment Programme for Southeast Asia, Tanglin, Singapore.(EEPSEA Research Report Series).
- Nguyễn Thị Hải (2011), 'Xác định giá trị giải trí của vườn quốc gia Cúc Phương bằng phương pháp chi phí du hành', *Kỷ yếu hội nghị khoa học cán bộ nữ, Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội*, 239-244.
- Seenprachawong, U (2004), 'An economic analysis of coral reefs in the Andaman Sea of Thailand', trong *Economic Valuation and Policy Priorities for Sustainable Management of Coral Reefs*, M. Ahmed, Chiew Kieok Chong và HJS Cesar (ed), WorldFish Center, 79-83.
- Wieland, R. C & Horowitz, J (2007), *Estimating the recreational consumer surplus at Maryland's state-owned forests*, Report for Harry R. Hughes Center for Agro-Ecology, University of Maryland.
- Willis, K. G & Garrod, G. D (1991), 'An individual travel-cost method of evaluating forest recreation', *Journal of Agricultural Economics*, 42(1), 33-42.
- Willis, K. G & Garrod, G. D (2000), 'Tourism and recreation surveys: the problems of sample selection and truncation bias', in *Tourism and the Environment: Regional, Economic, Cultural and Policy Issues*, Jan, V. d. S & Briassoulis, H (ed), Springer, No. 6, 147-163.

Thông tin tác giả:

***Huỳnh Trường Huy**, Tiến sỹ kinh tế

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Cần Thơ

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế lao động, kinh tế du lịch, quản trị nguồn nhân lực trong lĩnh vực du lịch.

- Một số tạp chí tác giả đã đăng tải công trình nghiên cứu: *Tạp chí Phát triển Kinh tế, Tạp chí Khoa học Thương mại, Tạp chí Quản lý kinh tế, Tạp chí Kinh tế - Dự báo, Tạp chí Khoa học (Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh), Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ, Springer, Research Journal of Business Management, Asian Journal of Agriculture and Development.*

- Địa chỉ Email: hthuy@ctu.edu.vn